

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1970

- *Bị đơn:* Ông Tạ Tài Ng, sinh năm 1968

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 16/10, Tổ 12, Khu phố 4, phường T, Q 7, Thành phố H.

Tạm trú: Số nhà 206, Tổ 18, Khu 5, thị trấn N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tạ Tài Ng kết hôn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 hai bên có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng, Quận 7 (huyện Nhà Bè cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01/91 ngày 01/4/1991. Vợ chồng bà chung sống ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1988 đến năm 1998 thì chuyển về thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chung sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, chủ yếu do ông Ng phát sinh nghiện ma túy dẫn đến tình trạng kinh tế kiệt

quê, ông Ng nghiện ma túy từ năm 2011 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khi ông Ng nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, ông Ng thường xuyên đánh đập hù dọa bà.

Vợ chồng chồng đã quyết định sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa thì bà yêu cầu ly hôn với ông Tạ Tài Ng.

- Về nuôi con: Bà và ông Ng có 03 (ba) con chung là NTạ Thị Mỹ Đ- sinh năm 1989, Tạ Công Đ- sinh năm 1991 và Tạ Công L- sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Bà và ông Ng tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ng không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án đã trực tiếp đến địa phương nơi ông Ng và bà L sinh sống không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Về hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông Ng. Về con chung: Đương sự trình bày các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Tạ Tài Ng có nơi cư trú tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Tạ Tài Ng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định tư cách đương sự bà L là nguyên đơn và ông Ng là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp L các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.5] Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp L lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông Ng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 01/4/1991. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà L thì do ông Ng phát sinh nghiện ma túy dẫn đến tình trạng kinh tế kiệt quệ, ông Ng nghiện ma túy từ năm 2011 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khi ông Ng nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, ông Ng thường xuyên đánh đập hù dọa bà. Vợ chồng chồng đã quyết định sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Bản thân ông Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ không quan tâm, không hợp tác, không có thiện chí đoàn tụ gia đình khi biết bà Ng có đơn yêu cầu ly hôn.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, bà L và ông Ng đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 10, điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Bà L trình bày có 03 (ba) con chung là NTạ Thị Mỹ Đ– sinh năm 1989, Tạ Công Đ– sinh năm 1991 và Tạ Công L– sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Bà L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 10, Điều 11, Điều 40 Luật hôn nhân năm 1986; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Tạ Tài Ng.

- Về nuôi con: Bà L trình bày có 03 (ba) con chung là NTạ Thị Mỹ Đ– sinh năm 1989, Tạ Công Đ– sinh năm 1991 và Tạ Công L– sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002356 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Bình (Số 40, ngày 24/4/2013) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi